

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

- 주민등록법 시행규칙[별지 제9호서식] <개정 2023. 1. 12.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký cư trú [Mẫu đính kèm số 9] <Sửa đổi 2023. 1. 12.>

주민등록표 열람 또는 등·초본 교부 신청서 (위임용)

ĐƠN ĐĂNG KÝ XEM HOẶC CẤP BẢN SAO •
TRÍCH LỤC (DÀNH CHO TRƯỜNG HỢP ỦY QUYỀN)

※ 뒤쪽의 유의 사항을 읽고 작성하기 바라며, []에는 해당하는 곳에 √ 표를 합니다. (앞쪽)
※ Vui lòng đọc nội dung lưu ý ở mặt sau trước khi điền và đánh dấu √ vào [] tương ứng. (Mặt trước)

위임한 사람 Người ủy quyền	성명 Họ tên (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)	연락처 Số điện thoại	주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn
	주소 Địa chỉ	대상자와의 관계 Quan hệ với đối tượng	
	[]수수료 면제 대상에 해당하여 수수료 면제를 신청함 []Tôi xin được xin miễn lệ phí vì tôi đủ điều kiện được miễn lệ phí ※ 수수료 면제 대상에 대해서는 뒤쪽 유의사항 3번을 참고하시기 바랍니다. ※ Vui lòng tham khảo Nội dung lưu ý số 3 ở mặt sau về các trường hợp được miễn lệ phí.		

위임 받은 사람 (신청인) Người được ủy quyền (người đăng ký)	성명 Họ tên (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)	연락처 Số điện thoại	주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn
	주소 Địa chỉ (시·도) (Tỉnh, thành phố)	(시·군·구) (Thành phố, huyện (gun), quận (gu))	※ 시·도, 시·군·구까지만 작성 (상세 주소는 작성하지 않아도 됩니다.) ※ Điền đến tỉnh, thành phố hoặc thành phố, huyện (gun), quận (gu) (Không cần điền địa chỉ chi tiết.)

* 아래는 열람 또는 등·초본 교부 대상자가 위임한 사람이 아닌 경우에만 작성합니다.
* Chỉ điền thông tin dưới đây nếu người được xem hoặc cấp bản sao, trích lục không phải là người ủy quyền.

열람 또는 등·초본 교부 대상자 Người được xem hoặc cấp bản sao, trích lục	성명 Họ tên	주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn
---	--------------	---------------------------------

위임 내용 (신청내용) Nội dung ủy quyền (nội dung đăng ký)	열람 Xem	[] 등본 사항 [] Nội dung bản sao	[] 초본 사항 [] Nội dung trích lục
	※ 개인 정보 보호를 위해 아래의 등·초본 사항 중 필요한 사항만 선택하여 신청할 수 있습니다. 포함 여부를 선택하지 않을 경우 신청인 또는 교부 대상자의 성명, 생년월일, 주소 등 기본적인 사항만 제공됩니다 ※ Có thể chỉ chọn và đăng ký những thông tin cần thiết trong bản sao và trích lục bên dưới để bảo vệ thông tin cá nhân. Nếu không chọn “Bao gồm”, chỉ những thông tin cơ bản như họ tên, năm, tháng, ngày sinh và địa chỉ của người đăng ký hoặc người được cấp mới được cung cấp. [] 등본 사항 전부 포함 [] 초본 사항 전부 포함 [] Bao gồm toàn bộ nội dung bản sao [] Bao gồm toàn bộ nội dung trích lục		
	등본 교부 [] 통 Cấp bản sao [] bản	1. 과거의 주소 변동 사항 1. Nội dung thay đổi địa chỉ trước đây []전체 포함 []직접 입력: 최근 __년 포함 []Bao gồm tất cả []Nhập trực tiếp: Bao gồm __năm gần đây 2. 세대 구성 사유 2. Lí do thành lập hộ gia đình []포함 Bao gồm[]	

초본 교부 []통 Cấp trích lục []bản	3. 세대 구성 일자 3. Ngày thành lập hộ gia đình	[]포함 Bao gồm[]
	4. 발생일 / 신고일 4. Ngày thành lập / Ngày khai báo	[]포함 Bao gồm[]
	5. 변동사유 5. Lý do sửa đổi	[]포함(□세대, □세대원) []Bao gồm (□Hộ gia đình, □Thành viên hộ gia đình)
	6. 교부 대상자 외 세대주·세대원·외국인등의 이름 6. Tên chủ hộ, thành viên hộ gia đình, người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp	[]포함 Bao gồm[]
	7. 주민등록번호 뒷자리 7. Đây số phía sau của số chứng minh thư Hàn	[]포함(□본인, □세대원) []Bao gồm (□Bản thân, □Thành viên hộ gia đình)
	8. 세대원의 세대주와의 관계 8. Quan hệ của thành viên hộ gia đình với chủ hộ	[]포함 Bao gồm[]
	9. 동거인 9. Người sống chung	[]포함 Bao gồm[]
	1. 개인 인적 사항 변경 내용 1. Nội dung thay đổi thông tin cá nhân	[]포함 Bao gồm[]
	2. 과거의 주소 변동 사항 2. Nội dung thay đổi địa chỉ trước đây	[]전체 포함 []직접 입력: 최근 __년 포함 []Bao gồm tất cả []Nhập trực tiếp: Bao gồm __năm gần đây
	3. 과거의 주소 변동 사항 중 세대주의 성명과 세대주와의 관계 3. Họ tên của chủ hộ và quan hệ với chủ hộ trong nội dung thay đổi địa chỉ trước đây	[]포함 Bao gồm[]
	4. 주민등록번호 뒷자리 4. Đây số phía sau của số chứng minh thư Hàn	[]포함 Bao gồm[]
	5. 세대주의 성명과 세대주와의 관계 5. Họ tên của chủ hộ và quan hệ với chủ hộ	[]포함 Bao gồm[]
	6. 발생일 / 신고일 6. Ngày thành lập / Ngày khai báo	[]포함 Bao gồm[]
	7. 변동사유 7. Lý do sửa đổi	[]포함 Bao gồm[]

	<div>8. 병역 사항</div> <div>8. Nội dung về nghĩa vụ quân sự</div> <div>[] 포함(☐기본(입영/전역일자), ☐전체)</div> <div>[] Bao gồm(☐Thông tin cơ bản (ngày nhập ngũ/xuất ngũ), ☐Toàn bộ)</div>
	<div>9. 국내거소신고번호 / 외국인등록번호</div> <div>[] 포함</div> <div>9. [] Bao gồm số đăng ký người nước ngoài / số đăng ký người nước ngoài</div>

용도 및 목적 Mục đích và nơi sử dụng	
---------------------------------------	--

「주민등록법 시행령」 제47조 및 제48조에 따라 주민등록표의 열람 또는 등·초본 교부를
신청합니다
Tôi xin đăng ký xem hoặc cấp bản sao, trích lục của Giấy đăng ký cư trú theo Điều 47 và Điều 48 “Nghị
định thi thành Luật Đăng ký cư trú”.

년 월 일
Năm tháng ngày

시장·군수·구청장 또는 읍·면·동장 및 출장소장 귀하
Kính gửi **Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu) hoặc**
Chủ tịch thị trấn (eup), Chủ tịch xã (myeon), Chủ tịch phường
(dong) và trưởng chi nhánh

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

(뒤쪽)
(Mặt sau)

첨부 서류 Hồ sơ đính kèm	위임한 사람의 주민등록증, 여권, 운전면허증 등 신분증(사본) Giấy tờ tùy thân của người được uỷ quyền như thẻ đăng ký cư trú, hộ chiếu, bằng lái xe, v.v. (bản sao)
담당 공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	신청인이 「주민등록법 시행규칙」 제18조제1항 각 호의 어느 하나에 해당하여 수수료 면제 대상인지 여부 Người đăng ký có thuộc đối tượng được miễn lệ phí theo bất kỳ điểm nào của khoản 1 Điều 18 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký cư trú” hay không

행정정보 공동이용 동의서
Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 주민등록표의 열람 또는 등·초본의 교부 수수료 면제와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 담당 공무원 확인사항을 확인하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý với việc cán bộ phụ trách kiểm tra các hồ sơ xác nhận dành cho cán bộ phụ trách liên quan đến việc miễn lệ phí xem hoặc cấp bản sao, trích lục Giấy đăng ký cư trú thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”.

* 담당 공무원의 확인에 동의하지 아니하는 경우에는 신청인이 직접 관련 서류를 제출하여야 합니다.

*Nếu không đồng ý để cán bộ phụ trách xác minh, người nộp đơn phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

신청인
Người đăng ký

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

유의 사항
Nội dung lưu ý

- 주민등록표 열람 또는 등·초본 교부 신청인(위임받은 사람)은 주민등록증 등 신분증명서를 제시해야 합니다.
- Người đăng ký (người được ủy quyền) xem hoặc cấp bản sao • trích lục phải xuất trình giấy tờ tùy thân như Thẻ đăng ký cư trú, v.v.
- 다른 사람의 서명 또는 도장 등을 위조하거나 부정하게 사용하는 등의 방법으로 위임장을 거짓으로 작성하여 신청할 때에는 「형법」에 따라 처벌을 받게 됩니다.
- Nếu giả mạo hoặc sử dụng bất hợp pháp chữ ký, con dấu của người khác, v.v. để làm giấy ủy quyền sẽ bị phạt theo “Luật Hình sự”.
- 「주민등록법 시행규칙」 제18조제1항에 따른 주민등록표 열람 또는 등·초본 교부 신청 수수료 면제 대상은 다음과 같습니다.
- Các trường hợp sau đây được miễn lệ phí đăng ký xem hoặc cấp bản sao • trích lục theo khoản 1 Điều 18 “Thông tư hướng dẫn Luật Đăng ký cư trú.”
 - 법 제29조제2항제1호에 따라 국가나 지방자치단체가 공무상 필요하여 신청하는 경우
 - Trường hợp chính quyền địa phương hoặc quốc gia đăng ký vì cần thiết cho công việc theo điểm 1 khoản 2 Điều 29 của luật.
 - 「국민기초생활 보장법」 제2조제2호에 따른 수급자가 신청하는 경우
 - Trường hợp người nhận trợ cấp đăng ký theo điểm 2 Điều 2 “Luật An sinh xã hội quốc gia”
 - 재해의 발생 등 행정안전부장관, 시·도지사 또는 시장·군수·구청장이 필요하다고 인정하는 경우
 - Trường hợp Bộ trưởng Bộ An ninh và Hành chính công, thống đốc tỉnh, thành phố hoặc Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu) đăng ký vì cần thiết, chẳng hạn như khi xảy ra thảm họa, v.v.
 - 관계 법령에서 주민등록자로 제공에 대한 수수료를 면제하도록 한 규정이 있는 경우
 - Trường hợp có điều khoản trong luật và quy định liên quan cho phép miễn lệ phí để cung cấp dữ liệu đăng ký cư trú
 - 「독립유공자예우에 관한 법률」 제6조에 따라 등록된 독립유공자와 그 유족(선순위자만 해당된다)이 신청하는 경우
 - Trường hợp người có công trong phong trào độc lập được đăng ký theo Điều 6 “Luật Đãi ngộ dành cho người có công trong phong trào độc lập” và gia quyền của họ đăng ký (chỉ áp dụng cho những người được ưu tiên)
 - 「국가유공자 등 예우 및 지원에 관한 법률」 제6조에 따라 등록된 국가유공자 등과 그 유족(선순위자만 해당하되, 선순위자가 부 또는 모인 경우에는 선순위자가 아닌 모 또는 부를 포함한다)이 신청하는 경우
 - Trường hợp người có công với nước được đăng ký theo Điều 6 “Luật Đãi ngộ và hỗ trợ dành cho người có công với nước” và gia quyền của họ (chỉ áp dụng cho những người được ưu tiên, nếu người được ưu tiên là cha hoặc mẹ thì bao gồm cả cha hoặc mẹ không được ưu tiên) đăng ký
 - 「고엽제후유의증 등 환자지원 및 단체설립에 관한 법률」 제4조에 따라 등록된 고엽제후유의증환자 등이 신청하는 경우
 - Trường hợp nạn nhân di chứng chất độc màu da cam được đăng ký theo Điều 4 “Luật Hỗ trợ và thành lập tổ chức nạn nhân di chứng chất độc màu da cam” đăng ký
 - 「참전유공자 예우 및 단체설립에 관한 법률」 제5조에 따라 등록된 참전유공자 등이 신청하는 경우
 - Trường hợp cựu chiến binh được đăng ký theo Điều 5 “Luật Đãi ngộ và thành lập tổ chức cựu chiến binh” đăng ký
 - 「5·18민주유공자 예우에 관한 법률」 제7조에 따라 등록 결정된 5·18민주유공자와 그 유족(선순위자만 해당하되, 선순위자가 부 또는 모인 경우에는 선순위자가 아닌 모 또는 부를 포함한다)이 신청하는 경우
 - Trường hợp người có công trong Phong trào dân chủ 18/5 được đăng ký theo Điều 7 “Luật Đãi ngộ dành cho người có công trong Phong trào dân chủ 18/5” và gia quyền của họ (chỉ áp dụng cho những người được ưu tiên, nếu người được ưu tiên là cha hoặc mẹ thì bao gồm cả cha hoặc mẹ không được ưu tiên) đăng ký
 - 「특수임무유공자 예우 및 단체설립에 관한 법률」 제6조에 따라 등록된 특수임무유공자와 그 유족(선순위자만 해당하되, 선순위자가 부 또는 모인 경우에는 선순위자가 아닌 모 또는 부를 포함한다)이 신청하는 경우
 - Trường hợp người có công thực hiện nhiệm vụ đặc biệt được đăng ký theo Điều 6 “Luật Đãi ngộ và thành lập tổ chức dành cho người có công thực hiện nhiệm vụ đặc biệt” và gia quyền của họ (chỉ áp dụng cho những người được ưu tiên, nếu người được ưu tiên là cha hoặc mẹ thì bao gồm cả cha hoặc mẹ không được ưu tiên) đăng ký
 - 「한부모가족지원법」 제5조 또는 제5조의2에 따른 보호대상자가 신청하는 경우
 - Trường hợp người được bảo vệ theo Điều 5 hoặc Điều 5-2 của “Luật Hỗ trợ gia đình cha mẹ đơn thân” đăng ký
 - 지방자치단체가 조례로 정하는 경우
 - Trường hợp chính quyền tự trị địa phương quy định bằng điều lệ
 - 출생신고된 사람의 초본을 최초 1통 발급하는 경우
 - Trường hợp lần đầu cấp 1 bản trích lục của người được đăng ký khai sinh
 - 신청인은 ‘위임 내용(신청 내용)’ 칸의 각 항목에서 ‘포함’ 여부를 선택하여 신청할 수 있습니다.
 - Người đăng ký có thể chọn “Bao gồm” trong mỗi ô của mục “Nội dung ủy quyền (nội dung đăng ký)” để đăng ký.
 - "과거의 주소 변동 사항"을 "직접 입력"으로 선택하는 경우, 그 기간은 1년 단위로 해야 합니다.
 - Nếu chọn “Nhập trực tiếp” cho “Nội dung thay đổi địa chỉ trước đây”, khoảng thời gian phải được ghi theo đơn vị 1 năm.

-
6. 위임한 사람은 ‘서명 또는 인’ 칸에 서명을 하거나 도장을 찍어야 하며 지문은 사용할 수 없습니다. 서명을 하실 경우에는 자필 성명(한글)을 써야 하고, 통상적인 사인(외국어, 특수문자 등)이나 한문 등은 사용할 수 없습니다.
 6. Người ủy quyền phải kí tên hoặc đóng dấu vào ô “Kí tên hoặc đóng dấu”, không được sử dụng dấu vân tay. Khi kí tên, phải viết tay họ tên (bằng chữ Hán) và không được sử dụng chữ kí thông thường (tiếng nước ngoài, ký tự đặc biệt, v.v.) hoặc chữ Hán.
 7. 담당 공무원이 위임장의 진위를 확인하기 위해 위임한 사람의 주민등록증 등 신분증명서(사본도 가능)를 요구할 경우에는 제시해야 합니다.
 7. Nếu cán bộ phụ trách yêu cầu giấy tờ tùy thân (chấp nhận bản sao) của người ủy quyền để xác minh tính xác thực của giấy ủy quyền thì phải xuất trình.
-